



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>

THE ROLE OF CHINESE INDONESIANS IN INDONESIA'S ECONOMY DURING THE NEW ORDER (1967-1998)

Nguyen Thi Phuong Linh*

*VNU-HCM University of Social Sciences and Humanities,
10-12 Dinh Tien Hoang Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 29 November 2025

Revised 26 January 2026; Accepted 07 April 2026

Abstract: Indonesia is a multi-religious and multi-ethnic country with more than 300 ethnic groups, in which the Javanese and Sundanese constitute the majority, whereas Chinese Indonesians form a minority community. Although they account for only about 3 percent of the population, Chinese Indonesians controlled roughly 70 percent of the national economy during the New Order era. By applying the theory of crony capitalism and employing both historical and qualitative research methods, this article examines the role of the Chinese community in Indonesia's economy under President Suharto. Based on an analysis of the socioeconomic context of this period, the study clarifies the central role of Chinese Indonesians in the development of the domestic private sector and in promoting the country's integration into the global economy. In doing so, it sheds light on the symbiotic relationship between the state and Chinese capital, while offering a more comprehensive understanding of the interplay among politics, the economy, and ethnicity in contemporary Southeast Asia.

Keywords: Indonesia, economy, Chinese Indonesians, New Order, Suharto

* Corresponding author.

Email address: phuonglinhnnguyen@hcmussh.edu.vn<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5677>

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HOA ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ INDONESIA DƯỚI THỜI KỲ TRẬT TỰ MỚI (1967-1998)

Nguyễn Thị Phương Linh

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,
10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận bài ngày 29 tháng 11 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 26 tháng 01 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 07 tháng 4 năm 2026

Tóm tắt: Indonesia là một quốc gia đa tôn giáo, đa sắc tộc với hơn 300 nhóm dân tộc, trong đó người Java và người Sunda là hai nhóm dân tộc chiếm đa số, còn người Hoa là một cộng đồng thiểu số. Tuy chỉ chiếm khoảng 3% dân số, nhưng dưới thời kỳ Trật tự Mới, người Hoa lại kiểm soát khoảng 70% nền kinh tế quốc gia. Bằng cách vận dụng lý thuyết tư bản thân hữu (crony capitalism) cùng với phương pháp nghiên cứu lịch sử và nghiên cứu định tính, bài viết phân tích vai trò của người Hoa đối với nền kinh tế Indonesia dưới thời Tổng thống Suharto. Trên cơ sở phân tích bối cảnh kinh tế xã hội dưới thời kỳ này, bài viết làm rõ vai trò trung tâm của người Hoa trong phát triển khu vực kinh tế tư nhân và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Qua đó, bài viết góp phần lý giải cơ chế cộng sinh giữa nhà nước và tư bản người Hoa, đồng thời cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế và sắc tộc trong bối cảnh Đông Nam Á đương đại.

Từ khóa: Indonesia, kinh tế, người Hoa, Trật tự Mới, Suharto

1. Đặt vấn đề

Là một quốc gia đa sắc tộc, đa tôn giáo, Indonesia sở hữu hơn 300 nhóm dân tộc, trong đó, nhóm người Hoa chỉ chiếm khoảng 3% dân số nhưng lại ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của quốc gia vạn đảo này. Từ thời thuộc địa Hà Lan đến giai đoạn hậu độc lập, người Hoa luôn giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động thương mại, tài chính và công nghiệp. Đặc biệt dưới thời Trật tự Mới (1967 - 1998), khi chính quyền Suharto tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng thị trường có sự kiểm soát mạnh mẽ của nhà nước, người Hoa nhanh chóng trở thành lực lượng trung tâm trong khu vực tư nhân, nắm giữ nhiều nguồn lực then chốt và góp phần quan trọng vào tiến trình phục hồi cũng như hội nhập kinh tế quốc tế của Indonesia.

Tuy nhiên, sự nổi lên của người Hoa gắn liền với những điểm đối nghịch, đó là họ bị hạn chế về quyền văn hoá và chính trị nhưng lại nắm giữ vị trí ưu thế trong nền kinh tế, bị đồng hóa về bản sắc nhưng lại trở thành đối tác kinh tế thân cận của giới quân đội và quan liêu, là đối tượng của các chính sách phân biệt đối xử nhưng vẫn đóng góp thiết yếu cho sự phát triển của quốc gia. Những mâu thuẫn này khiến người Hoa Indonesia trở thành một trường hợp điển hình để nghiên cứu về sự tương tác giữa kinh tế, chính trị và sắc tộc trong một xã hội đồng dân và đa tộc người như Indonesia.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu quốc tế bàn luận và nghiên cứu về vai trò của người Hoa đối với nền kinh tế Indonesia dưới thời kỳ Trật tự Mới, tuy nhiên, các nghiên cứu tại Việt Nam vẫn còn tương đối hạn chế. Phần lớn các công trình trong nước tập trung vào chủ đề phân biệt đối xử và xung đột sắc tộc, trong khi vẫn thiếu những phân tích về vai trò kinh tế của cộng đồng người Hoa cũng như cơ chế vận hành của mô hình tư bản thân hữu đã tạo ra quyền lực kinh tế cho người Hoa dưới thời Suharto. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết của một bài nghiên cứu giải thích sự trỗi dậy của tư bản người Hoa và vai trò kinh tế của họ.

Từ đó, bài viết tập trung trả lời hai câu hỏi nghiên cứu chính. Thứ nhất, cộng đồng người Hoa đã đảm nhận những vai trò chủ yếu nào đối với nền kinh tế Indonesia dưới thời kỳ Trật tự Mới? Thứ hai, vì sao cộng đồng người Hoa, dù chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số nhưng lại giữ vai trò kinh tế chủ đạo trong giai đoạn này? Để trả lời hai câu hỏi này, bài nghiên cứu phân tích bối cảnh lịch sử kinh tế và xã hội dưới thời Suharto cũng như cơ chế và thể chế đã tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế của người Hoa, qua đó làm rõ vai trò kinh tế của người Hoa đối với nền kinh tế quốc gia.

2. Cơ sở lý thuyết

Bài viết vận dụng lý thuyết chủ nghĩa tư bản thân hữu (*crony capitalism*) làm khung phân tích tham chiếu, nhằm làm rõ bối cảnh thể chế và cơ chế chính trị - kinh tế đã định hình vai trò của cộng đồng người Hoa đối với nền kinh tế Indonesia dưới thời kỳ Trật tự Mới. Thông qua khung phân tích này, bài nghiên cứu làm rõ vai trò của cộng đồng người Hoa Indonesia không chỉ ở phương diện các kết quả kinh tế đạt được mà còn ở vị trí và chức năng mà người Hoa đảm nhận trong cấu trúc quyền lực kinh tế - chính trị của Indonesia ở giai đoạn này.

Theo Kang (2002), chủ nghĩa tư bản thân hữu là hiện tượng, trong đó, quyền lực kinh tế của doanh nghiệp không dựa chủ yếu vào cạnh tranh thị trường, mà phụ thuộc vào mức độ gắn kết với giới cầm quyền. Trong mô hình này, nhà nước và giới doanh nghiệp duy trì mối quan hệ trao đổi lợi ích, trong đó, giới quan chức nhà nước cung cấp đặc quyền kinh tế như: giấy phép, hạn ngạch, bảo hộ độc quyền, tiếp cận tín dụng và ưu đãi thuế, đổi lại doanh nghiệp hỗ trợ tài chính, chia lợi nhuận hoặc tạo dựng các mạng lưới kinh tế phục vụ cho sự ổn định và duy trì quyền lực của chế độ. Chủ nghĩa tư bản thân hữu không phải là một hình thái kinh tế hoàn chỉnh mà là dạng lệch chuẩn của chủ nghĩa tư bản trong điều kiện thể chế yếu và quyền lực tập trung, vốn dễ dẫn đến méo mó thị trường, sai lệch phân bổ nguồn lực và gia tăng bất bình đẳng (Nguyen, 2024, tr. 5; Vu, 2015). Chủ nghĩa tư bản thân hữu còn được gọi với nhiều tên gọi khác nhau như “chủ nghĩa tư bản lợi ích”, “chủ nghĩa tư bản bè phái”, “chủ nghĩa tư bản bè cánh” hay “chủ nghĩa tư bản lũng đoạn” (Vu, 2015).

Hiện nay, tác động của chủ nghĩa tư bản thân hữu vẫn là chủ đề gây tranh luận. Một số học giả cho rằng sự ưu ái chính trị khiến thị trường mất tính cạnh tranh, dẫn đến phân bổ sai nguồn lực, gia tăng tham nhũng và hình thành các nhóm lợi ích thao túng nhà nước. Ngược lại, một số khác lập luận rằng, trong những bối cảnh nhất định, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển với thể chế yếu, mạng lưới thân hữu đôi khi có thể giảm chi phí giao dịch, tập trung nguồn lực nhanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Surya, 2013, tr.130). Do đó, tư bản thân hữu có thể vừa là động lực, vừa là rào cản đối với sự phát triển kinh tế ở các quốc gia đang chuyển đổi.

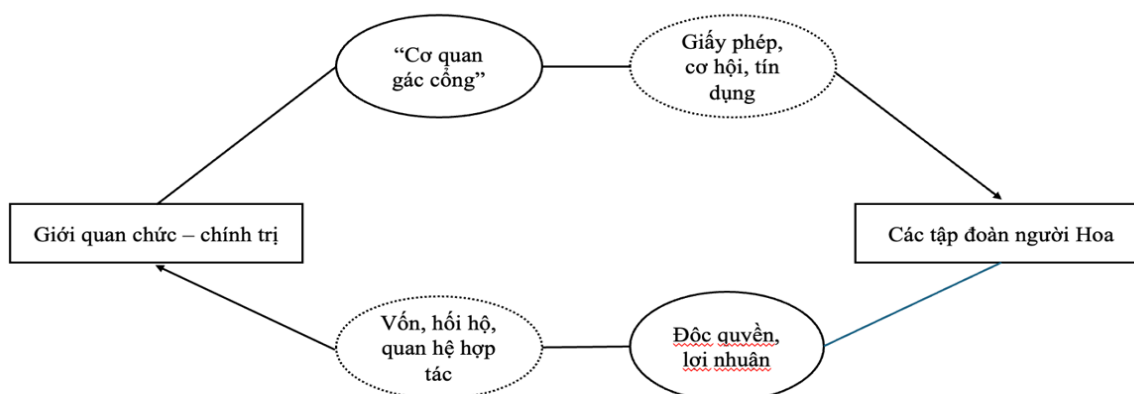
Indonesia dưới thời Suharto là trường hợp tiêu biểu của chủ nghĩa tư bản thân hữu mang tính cấu trúc. Chính quyền Trật tự Mới kiểm soát chặt chẽ các “cơ quan gác cổng” như cấp phép nhập khẩu, phân bổ tín dụng, hợp đồng xây dựng hạ tầng và các ngành nghề chiến lược (Chua, 2008, tr. 49). Khi nhà nước nắm quyền quyết định ai được tiếp cận thị trường thì quyền lực kinh tế của doanh nghiệp trở nên phụ thuộc gần như hoàn toàn vào mạng lưới quan hệ chính trị. Trong bối cảnh đó, nhiều doanh nhân người Hoa vốn có vốn liếng, kỹ năng kinh doanh và năng lực luân chuyển tài chính đã trở thành đối tác quan trọng nhất của giới quân đội và quan liêu (Suryadinata, 2008, tr. 157; Tan, 1987, tr. 367). Mối quan hệ trao đổi lợi ích hai chiều giữa nhà nước và các tập đoàn người Hoa tạo nên một cơ chế cộng sinh, giúp củng cố chế độ của Suharto về mặt tài chính, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thân hữu mở rộng quy mô và tích lũy quyền lực kinh tế.

Cơ chế này được thể hiện rõ trong sơ đồ mạng lưới bảo trợ dưới thời kỳ Trật tự Mới

(xem hình 1). Sơ đồ cho thấy sự trao đổi lợi ích mang tính hai chiều giữa giới quan chức với các tập đoàn người Hoa: nhà nước cấp phép, tạo thuận lợi và bảo hộ kinh tế cho các doanh nghiệp thân hữu, trong khi đó, các tập đoàn người Hoa cung cấp vốn, hối lộ hoặc chia cổ phần cho giới cầm quyền để duy trì độc quyền và lợi thế kinh doanh.

Hình 1

Mạng lưới bảo trợ dưới thời Trật tự Mới



(Nguồn: Chua, 2008, tr. 49)

Sự tồn tại của mạng lưới bảo trợ dưới thời Trật tự Mới cho thấy vì sao cộng đồng người Hoa, dù bị hạn chế về chính trị và chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong dân số nhưng vẫn có thể vươn lên giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế. Nhờ khả năng huy động vốn, kinh nghiệm kinh doanh và sự linh hoạt trong hợp tác với giới cầm quyền, người Hoa trở thành nhóm được lựa chọn để đảm nhận nhiều hoạt động kinh tế trọng điểm. Việc vận dụng lý thuyết tư bản thân hữu kết hợp với sơ đồ mô tả mạng lưới bảo trợ giúp bài viết xây dựng một khung tham chiếu phân tích để làm rõ hơn vai trò kinh tế của người Hoa được đặt trong bối cảnh thể chế và cơ chế vận hành của mô hình tư bản thân hữu dưới thời kỳ Trật tự Mới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử kết hợp với phân tích định tính nhằm làm rõ vai trò của cộng đồng người Hoa đối với nền kinh tế Indonesia dưới thời kỳ Trật tự Mới (1967-1998). Phương pháp nghiên cứu lịch sử được vận dụng nhằm tái dựng quá trình hình thành và vận hành của hệ thống kinh tế - chính trị dưới thời Tổng thống Suharto thông qua các sự kiện, chính sách và biến động có ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế và vai trò kinh tế của người Hoa. Trên cơ sở đó, phân tích định tính được sử dụng để diễn giải và đối chiếu các nguồn tư liệu thứ cấp, bao gồm các công trình học thuật về kinh tế - chính trị Indonesia, các nghiên cứu chuyên sâu về cộng đồng người Hoa và các báo cáo, số liệu kinh tế đã được công bố nhằm làm nổi bật và lý giải về vai trò kinh tế của cộng đồng này. Trong quá trình xử lý thông tin, tác giả cố gắng đối chiếu nhiều nguồn tài liệu khác nhau để đảm bảo tính khách quan và tránh suy diễn thiên lệch.

Ngoài ra, bài viết vận dụng lý thuyết chủ nghĩa tư bản thân hữu (*crony capitalism*) làm khung phân tích tham chiếu nhằm làm rõ vai trò kinh tế chủ đạo của người Hoa trong bối cảnh mối quan hệ cộng sinh giữa nhà nước và giới doanh nhân người Hoa dưới thời kỳ Trật tự Mới. Việc áp dụng khung lý thuyết này giúp làm nổi bật các cơ chế, thể chế đã tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của tư bản người Hoa, đồng thời lý giải vai trò kinh tế chủ đạo của người Hoa trong

nền kinh tế quốc gia dù là một cộng đồng thiểu số.

Tuy nhiên, bài nghiên cứu cũng tồn tại một số giới hạn nhất định. Việc dựa nhiều vào tài liệu thứ cấp có thể chưa phản ánh hết được sự đa dạng bên trong cộng đồng người Hoa. Đồng thời, việc vận dụng lý thuyết chủ nghĩa tư bản thân hữu có thể nhấn mạnh hơi nhiều vào khía cạnh quan hệ chính trị - kinh tế, trong khi các yếu tố khác như năng lực kinh doanh hay văn hóa có thể chưa được đề cập đầy đủ. Dù vậy, trong khuôn khổ một bài nghiên cứu, cách tiếp cận này vẫn cung cấp một góc nhìn sâu sắc và có giá trị giải thích cao cho vấn đề đặt ra, đồng thời mở ra gợi ý cho những nghiên cứu sâu hơn về sau.

4. Bối cảnh kinh tế xã hội dưới thời kỳ Trật tự Mới

4.1. Bối cảnh kinh tế

Biến động chính trị 1965 - 1966 đã chấm dứt thời kỳ Dân chủ chỉ đạo của Soekarno và mở ra thời kỳ Trật tự Mới của Suharto với bối cảnh kinh tế kiệt quệ, lạm phát lên đến 650%, đời sống người dân lâm vào khó khăn và uy tín quốc tế bị suy giảm (Suryadinata, 1976, tr. 771). Ngay sau khi lên nắm quyền, chính quyền Suharto chuyển sang mô hình kinh tế thị trường kết hợp với sự kiểm soát mạnh mẽ của nhà nước, trái ngược với đường lối mang tính chủ nghĩa dân tộc và chống chủ nghĩa tư bản của thời kỳ trước.

Để giảm lạm phát và ổn định giá cả hàng hoá trên thị trường, dưới sự tư vấn của nhóm “Mafia Berkeley”¹, chính quyền thực hiện hàng loạt biện pháp như cắt giảm chi tiêu công, kiểm soát lạm phát, thiết lập lại tỷ giá và đặc biệt là ban hành Luật đầu tư nước ngoài (1967) và Luật đầu tư trong nước (1968), qua đó đặt nền móng cho một mô hình phát triển mang tính can thiệp mạnh mẽ của nhà nước và tạo điều kiện hình thành mạng lưới bảo trợ đặc trưng thời Suharto (Robison, 1986, tr. 114-138).

Song song đó, Suharto cũng chủ động khôi phục quan hệ với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới và thành lập nhóm liên chính phủ về Indonesia (IGGI) nhằm thu hút vốn và viện trợ. Nhờ vậy, chỉ trong vòng một năm, lạm phát giảm từ 650% xuống 12% và nền kinh tế bước vào giai đoạn tăng trưởng trở lại kể từ cuối thập niên 1960 (Suryadinata, 1976, tr. 771). Các cải cách giúp Indonesia từng bước tái hội nhập vào nền kinh tế quốc tế sau một thời gian dài bị ảnh hưởng dưới thời Tổng thống Sukarno (Ricklefs, 2008).

Bước sang thập niên 1970, sự bùng nổ doanh thu từ dầu mỏ trở thành động lực trung tâm cho tăng trưởng kinh tế. Năm 1966, dầu mỏ chỉ chiếm 30% tổng giá trị xuất khẩu của Indonesia, nhưng đến năm 1974 con số này đã tăng lên 74% (Ricklefs, 2008, tr.338). Việc giá dầu bất ngờ tăng cao vào cuối năm 1973 đã mang về cho Indonesia một nguồn thu lớn. Từ đây, chính phủ bắt đầu chuyển hướng từ chính sách kinh tế tự do sang chính sách bảo hộ nền kinh tế trong nước (Robison & Hadiz, 2004, tr. 18-20). Biến cố bạo loạn Malari tháng 1/1974, khi tầng lớp trung lưu biểu tình phản đối sự thống trị của các doanh nghiệp nước ngoài và người Hoa, đã trở thành cái cớ để giới cầm quyền thúc đẩy các lợi ích kinh tế của riêng họ (Rosser, 2002, tr. 107). Chính phủ sau đó công bố ba mục tiêu rõ ràng: ưu tiên vốn trong nước thay vì nước ngoài, vốn nhà nước thay vì tư nhân và vốn của người bản địa (*pribumi*) thay vì người Hoa (Sato, 2019, tr. 136). Tuy nhiên, trên thực tế, các loại vốn được ưu đãi này đều nằm dưới sự kiểm soát của chính các quan chức và chính trị gia. Giới cầm quyền không xem các doanh

¹ “Mafia Berkeley” là cách gọi phổ biến dành cho nhóm các nhà kinh tế Indonesia được đào tạo tại Đại học California, Berkeley, Hoa Kỳ. Họ đóng vai trò cố vấn kinh tế chủ chốt cho chính quyền Suharto trong giai đoạn đầu của Trật tự Mới.

nhân người Hoa là đối thủ mà ngược lại, họ coi đây là công cụ chính để làm giàu cho chính họ. Điều này dẫn đến sự cấu kết chặt chẽ hơn giữa giới kinh doanh và nhà nước. Các quan chức không chỉ làm nhiệm vụ quản lý mà trực tiếp tham gia vào kinh doanh, sử dụng quyền lực nhà nước để phục vụ cho lợi ích riêng, tạo ra một vòng tròn khép kín giữa chính trị và kinh tế (Chua, 2008, tr. 51).

Trong bối cảnh đó, chính phủ thời kỳ Trật tự Mới chủ trương huy động nguồn lực từ các nhóm tư bản có tiềm lực tài chính và năng lực kinh doanh để thúc đẩy kinh tế. Cộng đồng người Hoa với lợi thế về vốn, kinh nghiệm kinh doanh và mạng lưới xuyên quốc gia nhanh chóng trở thành lực lượng mà nhà nước tìm kiếm cho mục tiêu tăng trưởng. Đặc biệt, sự hợp tác của các tướng lĩnh quân đội và gia đình Suharto với các *cukong* (giới tài phiệt người Hoa) đã tạo nên nền tảng của mô hình tư bản thân hữu, trong đó, doanh nhân người Hoa cung cấp nguồn lực tài chính và hậu thuẫn chính trị, còn nhà nước trao đặc quyền kinh tế, quyền tiếp cận vốn nhà nước và những hợp đồng béo bở (Robison, 1986, tr. 227-228). Từ đó, gia đình Suharto cùng các tướng lĩnh quân đội và các nhóm tư bản thân cận nắm quyền kiểm soát các ngành kinh tế chiến lược thông qua các đặc quyền về giấy phép, tiếp cận nguồn vốn nhà nước, miễn trừ thuế và bảo hộ độc quyền (Suryadinata, 1976, tr. 770).

Các chính sách thực dụng của chính phủ Suharto đối với người Hoa cũng góp phần tạo điều kiện cho mạng lưới tư bản thân hữu ngày càng phát triển. Sự liên kết giữa chính phủ và giới tài phiệt người Hoa đã tạo điều kiện cho một số ít tập đoàn lớn trỗi dậy, kiểm soát phần lớn hoạt động thương mại, sản xuất và phân phối tại Indonesia, trong đó, nhiều tập đoàn do người Hoa điều hành đóng vai trò chủ chốt. Cơ chế cộng sinh này là một biểu hiện rõ nét của chủ nghĩa tư bản thân hữu, trong đó, quyền lực chính trị gắn chặt với lợi ích kinh tế. Điều này có thể lý giải vì sao dù chỉ chiếm chưa tới 3% dân số nhưng người Hoa lại kiểm soát tới 70% nền kinh tế Indonesia dưới thời Trật tự Mới (Suryadinata, 1976, tr. 770-771).

Tuy nhiên, chính mô hình tăng trưởng dựa trên đặc quyền và liên minh nhà nước - doanh nhân này đã để lại nhiều hệ quả dài hạn. Việc tập trung nguồn lực vào một nhóm thiểu số thân cận khiến chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng sắc tộc gia tăng, tạo nên căng thẳng xã hội âm ỉ kéo dài. Khi khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 bùng nổ, sự mong manh của hệ thống tư bản thân hữu lộ rõ và góp phần đẩy Indonesia vào bất ổn sâu sắc, dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Suharto năm 1998 (Thee, 2007).

4.2. Bối cảnh xã hội

Bên cạnh cải cách kinh tế, chính quyền Suharto thiết lập chế độ độc tài quân sự, kiểm soát xã hội chặt chẽ nhằm củng cố quyền lực chính trị tập trung và nắm giữ mọi lĩnh vực của đời sống. Nhiều đảng chính trị bị giải tán hoặc bị tinh giảm. Bên cạnh đó, người dân không được tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do thiết lập các tổ chức dân sự. Tổng thống Suharto là người nắm giữ mọi quyền lực và là người chi phối tất cả hoạt động của chính phủ. Quân đội đóng vai trò nòng cốt và giữ “chức năng kép” nghĩa là quân đội không chỉ tham gia vào các hoạt động chính trị mà còn tham gia vào các hoạt động kinh tế.

Sau cuộc đảo chính vào năm 1965, chính quyền cho rằng Đảng Cộng sản Indonesia (PKI) là thủ phạm của cuộc đảo chính, từ đó tiến hành các chiến dịch trấn áp quy mô lớn. Người Hoa bị nghi ngờ có liên hệ với cộng sản và trở thành đối tượng bị giám sát đặc biệt, thậm chí bị bắt giam và tra tấn. Từ đó, các làn sóng bài trừ Hoa diễn ra mạnh mẽ và hàng loạt các chính sách đồng hoá mạnh mẽ được đưa ra dành cho người Hoa. Vào năm 1966, chính phủ đã ban hành sắc lệnh 127/U/Kep/12/1966 buộc người Hoa phải đổi tên từ tiếng Hoa sang tiếng Indonesia và điều luật cấm hoạt động các trường học của người Hoa (Susanti, 2014, tr. 139). Các hoạt động tín

ngưỡng và tôn giáo của người Hoa cũng bị giới hạn trong phạm vi gia đình (Dawis, 2009, tr. 100; Schwarz, 1994, tr. 106). Tất cả các tờ báo bằng tiếng Hoa đều bị cấm, ngoại trừ báo “*Harian Indonesia*” chịu sự kiểm soát chặt chẽ của chính phủ (Dawis, 2009, tr. 102).

Ngoài ra, để kiểm soát người Hoa chặt chẽ hơn, chính phủ Suharto đã ban hành nhiều quy định và sắc lệnh mang tính chất áp bức như trên thẻ căn cước và hộ chiếu của người Hoa được gắn mã số đặc biệt, khiến họ dễ bị nhận diện phân biệt đối xử bởi cơ quan hành chính, cảnh sát và quân đội. Bên cạnh đó, người Hoa cũng phải xuất trình Giấy chứng nhận quốc tịch (*SBKRI - Surat Bukti Kewarganegaraan Republik Indonesia*) mới có thể làm các giấy tờ như giấy khai sinh, hộ chiếu hay giấy chứng nhận kết hôn (Chong, 2016, tr. 102).

Tóm lại, dưới thời kỳ Trật tự Mới, cộng đồng người Hoa vừa phải đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế song cũng mở ra những cơ hội mới. Một mặt, chính quyền Suharto thực hiện chính sách đồng hóa nghiêm ngặt khi cấm sử dụng chữ Hán, đóng cửa hệ thống trường học Hoa ngữ, buộc người Hoa phải đổi sang tên tiếng Indonesia, hạn chế các sinh hoạt văn hóa công khai và tham gia vào các hoạt động chính trị. Mặt khác, giới lãnh đạo lại coi doanh nhân người Hoa là nguồn lực kinh tế trọng yếu để huy động vốn, khôi phục sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng. Chính đặc điểm này vừa tạo ra bất bình đẳng xã hội kéo dài, vừa giải thích vì sao cộng đồng người Hoa dù bị hạn chế ở nhiều lĩnh vực nhưng lại trở thành lực lượng kinh tế trung tâm của Indonesia trong giai đoạn Trật tự Mới.

5. Vai trò kinh tế của người Hoa dưới thời kỳ Trật tự Mới

Sự hiện diện và ảnh hưởng kinh tế của cộng đồng người Hoa tại Indonesia là kết quả của một quá trình di cư kéo dài, gắn liền với sự mở rộng của các mạng lưới thương mại khu vực Đông Nam Á từ thời kỳ tiền thuộc địa. Quá trình di cư của người Hoa đến Indonesia có thể chia thành ba giai đoạn chính.

Thứ nhất, trước thế kỷ XV, sự có mặt của thương nhân người Hoa tại Java đã được ghi nhận trong các tư liệu của Pháp Hiến (thế kỷ V) và Nghĩa Tĩnh (thế kỷ VII) đã phản ánh mối quan hệ thương mại sớm giữa Trung Quốc và khu vực này (Sujana và cộng sự, 2020, tr. 182). Đến khoảng thế kỷ XI, các mối quan hệ thương mại tương đối ổn định giữa người Hoa với các vương quốc cổ ở Nusantara (nay là Indonesia) được thiết lập (Dahana, 2000, tr. 54-55).

Thứ hai, vào thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII, các chuyến hải trình của Đô đốc Trịnh Hòa góp phần thúc đẩy giao lưu khu vực và hình thành các khu định cư người Hoa tại Indonesia. Do đặc điểm di cư chủ yếu là nam giới nên quá trình hôn nhân với cư dân bản địa đã tạo ra cộng đồng người Hoa lai (*Peranakan*) có khả năng hòa nhập xã hội cao. Vào năm 1691, sau khi Công ty Đông Ấn Hà Lan chiếm quyền kiểm soát và thiết lập Batavia (Jakarta ngày nay), chính quyền thực dân tiếp tục khuyến khích người Hoa tham gia các hoạt động thương mại và trung gian kinh tế nhằm phục vụ bộ máy cai trị thuộc địa (Dahana, 2000, tr. 55-57; Lombard, 2005, tr. 30).

Thứ ba, vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, các biến động chính trị - kinh tế tại Trung Quốc, cùng với nhu cầu về lao động và vốn của chính quyền thực dân Hà Lan đã thúc đẩy làn sóng di cư lớn của người Hoa vào Indonesia. Nhóm di cư mới này, thường được gọi là *Totok* (nhóm người gốc Hoa thuần, thường giữ gìn bản sắc văn hóa và ngôn ngữ Trung Hoa thuần túy hơn nhóm *Peranakan*) đã bổ sung thêm nguồn lực về nhân lực, vốn và mạng lưới kinh doanh cho cộng đồng người Hoa tại Indonesia (Dahana, 2000, tr. 55; Suryadinata, 1997, tr. 9).

Những làn sóng lịch sử di cư khác nhau đã góp phần hình thành nền tảng xã hội - kinh tế đặc thù của cộng đồng người Hoa tại Indonesia. Chính nền tảng này đã tạo điều kiện để họ tích lũy vốn, kinh nghiệm và mạng lưới kinh doanh, qua đó từng bước đảm nhận những vai trò

kinh tế đáng kể trong cấu trúc kinh tế Indonesia, đặc biệt là trong bối cảnh chính trị - kinh tế của thời kỳ Trật tự Mới mà sẽ được phân tích cụ thể trong các tiêu mục sau.

5.1. Vai trò trong phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước

Trong bối cảnh chính quyền Suharto thúc đẩy tự do hóa và tư nhân hóa nền kinh tế, cộng đồng người Hoa nhanh chóng trở thành lực lượng then chốt để thúc đẩy tăng trưởng trong khu vực kinh tế tư nhân. Mặc dù vẫn đối diện nhiều hạn chế về văn hóa và chính trị, các rào cản kinh tế đối với người Hoa lại được nói lỏng đáng kể từ cuối thập niên 1960. Nhờ lợi thế về vốn tích lũy, mạng lưới thương mại lâu đời và quan hệ gần gũi với giới cầm quyền, doanh nhân người Hoa nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh doanh và hình thành những tập đoàn đa ngành lớn mạnh, qua đó chiếm lĩnh vị trí trung tâm trong nền kinh tế tư nhân Indonesia (Tan, 2008, tr. 124).

Ngay trong giai đoạn đầu của Trật tự Mới, nhiều doanh nhân người Hoa đã thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với giới quan liêu quân đội, qua đó giúp họ tiếp cận các đặc quyền kinh doanh trong những lĩnh vực then chốt. Tập đoàn Astra của William Soeryadjaya là trường hợp tiêu biểu, nhờ quan hệ với Tướng Ibnu Sutowo, Chủ tịch Pertamina, Astra giành được quyền đại lý độc quyền cho nhiều thương hiệu công nghiệp lớn của Nhật Bản như: Toyota, Honda, Fuji-Xerox và Daihatsu, qua đó phát triển thành tập đoàn đa ngành hàng đầu (Chua, 2008, tr. 48). Một trường hợp khác là Liem Sioe Liong, đối tác thân cận nhất của Tổng thống Suharto đã nhanh chóng trở thành doanh nhân quyền lực nhất thời kỳ này. Thông qua mối quan hệ sâu sắc với quân đội, Liem được trao độc quyền trong buôn bán đinh hương, sản xuất bột mì và nhiều ngành công nghiệp trọng yếu khác (Shin, 1989, tr. 352-354). Những đặc quyền này tạo điều kiện cho các doanh nghiệp người Hoa mở rộng từ thương mại bán lẻ sang sản xuất, tài chính, ngân hàng, bất động sản, khách sạn, viễn thông và lâm nghiệp, qua đó củng cố vai trò trung tâm của họ trong cấu trúc kinh tế quốc gia (Tan, 2008, tr. 124).

Dưới thời kỳ này, các chính sách bảo hộ và ưu đãi đầu tư nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho tầng lớp doanh nhân người Hoa tích lũy vốn và mở rộng quy mô kinh doanh. Nhờ đó, các tập đoàn của người Hoa phát triển mạnh mẽ, ước tính đóng góp từ 40% đến 60% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Indonesia và kiểm soát tới 80% tổng tài sản doanh nghiệp trong nước, phản ánh vai trò trung tâm của cộng đồng này trong khu vực kinh tế tư nhân (Suryadinata, 2008, tr. 144). Ở cấp độ phân bổ vốn, theo Tempo (1972), doanh nghiệp người Hoa nắm giữ khoảng 47% tổng vốn đầu tư trong nước, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ 38% của doanh nghiệp bản địa, cho thấy sự chênh lệch rõ rệt trong khả năng tiếp cận nguồn lực kinh tế (Robison, 1986, tr. 277). Đồng thời, việc khoảng 80% tín dụng nhà nước rơi vào tay các doanh nghiệp người Hoa cho thấy mức độ ưu tiên mang tính thể chế trong chính sách phân bổ vốn dưới thời kỳ này (Robison, 1986, tr. 273). Những số liệu này cho thấy sự thống lĩnh kinh tế của người Hoa không chỉ thể hiện ở quy mô tài sản hay đóng góp GDP, mà còn ở khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực tài chính then chốt, qua đó củng cố vị thế chi phối của họ trong nền kinh tế quốc gia.

Trong lĩnh vực thương mại, người Hoa giữ vai trò chi phối rõ nét trong suốt thời kỳ Trật tự Mới. Theo Trần Khánh (1992), từ chỗ chủ yếu buôn bán gạo nhập khẩu vào cuối thập niên 1960, sang thập niên 1970, người Hoa đã mở rộng kiểm soát sang cả khâu thu mua và phân phối gạo nội địa, đồng thời thống lĩnh các thị trường hàng hóa thiết yếu như: bột mì, đường mía và hàng tiêu dùng công nghiệp nhập khẩu. Mức độ chi phối này được thể hiện qua việc người Hoa nắm giữ khoảng 80% hoạt động nội thương và 40% ngoại thương quốc gia trong thập niên 1970. Điều này phản ánh vai trò trung tâm của họ trong lưu thông hàng hóa của nền kinh tế Indonesia. Tại Jakarta, trung tâm thương mại và tài chính của cả nước, khoảng 60% các giao dịch tài chính tập trung tại khu vực Pasar Glodok do doanh nghiệp người Hoa kiểm soát, trong

số khoảng 1.300 cửa hiệu đang hoạt động tại đây, chỉ có từ 10 đến 20 cửa hiệu thuộc sở hữu của người bản địa. Xu hướng tương tự cũng diễn ra tại các đô thị lớn khác như Semarang và Bandung, nơi người Hoa nắm giữ khoảng 80% hoạt động buôn bán nội địa, từ đó cho thấy sự thống lĩnh của người Hoa trong mạng lưới thương mại đô thị trên phạm vi toàn quốc (Tran, 1992, tr. 190-192).

Tương tự, tại Banda Aceh, người Hoa cũng giữ vai trò nổi bật trong khu vực thương mại và doanh nghiệp tư nhân. Theo số liệu của văn phòng khu vực thuộc Bộ Thương mại, đến năm 1975, người Hoa đã vượt qua người bản địa về số lượng sở hữu doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như các cửa hàng bán lẻ. Cụ thể, đối với nhóm doanh nghiệp vừa, người Hoa sở hữu 79 cơ sở, so với 52 cơ sở của người bản địa. Trong khi đó, đối với nhóm doanh nghiệp nhỏ, con số này lần lượt là 197 và 190 cơ sở. Sự chênh lệch còn thể hiện rõ hơn trong lĩnh vực bán lẻ, khi người Hoa nắm giữ 135 cửa hàng, cao hơn đáng kể so với 84 cửa hàng của người bản địa. Ngược lại, trong lĩnh vực công nghiệp, doanh nghiệp bản địa vẫn chiếm ưu thế với 105 cơ sở, trong khi doanh nghiệp người Hoa chỉ có 27 cơ sở (Ahok, 1976, tr. 7). Những số liệu này cho thấy vai trò kinh tế của người Hoa tại Banda Aceh chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thương mại và doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, qua đó phản ánh xu hướng phục hồi nhanh chóng và mở rộng ảnh hưởng của cộng đồng này trong nền kinh tế tư nhân Indonesia vào giữa thập niên 1970.

Ngoài lĩnh vực thương mại và tài chính, cộng đồng người Hoa còn giữ vai trò quan trọng trong khu vực công nghiệp - chế tạo dưới thời kỳ Trật tự Mới. Nhiều xí nghiệp do người Hoa sở hữu từng bị quốc hữu hóa trong giai đoạn Tổng thống Soekarno đã được hoàn trả, đồng thời, hàng loạt cơ sở công nghiệp mới do người Hoa làm chủ cũng được thành lập, tạo điều kiện cho sự mở rộng nhanh chóng của tư bản người Hoa trong lĩnh vực sản xuất. Theo Trần Khánh (1992), trong thập niên 1970, người Hoa được ước tính kiểm soát khoảng 40% đến 60% các xí nghiệp quy mô lớn trong ngành công nghiệp chế biến - chế tạo, đặc biệt trong các ngành sản xuất phục vụ tiêu dùng và chế biến nguyên liệu như: dệt may, xay xát gạo, chế biến bột mì, sản xuất thuốc lá, xà phòng, nước giải khát, sản phẩm cao su và nhựa dẻo. Sang đầu thập niên 1980, tỷ trọng này tiếp tục gia tăng, khi người Hoa chiếm khoảng 60% đến 80% số lượng xí nghiệp công nghiệp, qua đó giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế quốc gia. Trường hợp tập đoàn xi măng do Liem Sioe Liong (Sudono Salim) lãnh đạo, với việc kiểm soát khoảng 38% tổng sản lượng xi măng quốc gia vào đầu những năm 1980, là minh chứng tiêu biểu cho mức độ tập trung của tư bản người Hoa trong lĩnh vực công nghiệp nặng. Nhìn chung, vốn đầu tư của cộng đồng người Hoa trong công nghiệp được ước tính chiếm khoảng 40% tổng vốn đầu tư toàn quốc trong giai đoạn này, cho thấy sự chuyển dịch vai trò của người Hoa từ thương mại truyền thống sang vị thế chủ đạo trong khu vực sản xuất công nghiệp.

Bước sang đầu thập niên 1990, mức độ thống lĩnh của người Hoa trong khu vực kinh tế tư nhân Indonesia càng thể hiện rõ nét. Theo Trung tâm dữ liệu kinh doanh Indonesia, trong giai đoạn 1992 - 1996 có khoảng 300 tập đoàn do người Hoa sở hữu, kiểm soát doanh thu 227,2 nghìn tỷ rupiah với tổng tài sản 425 nghìn tỷ rupiah, phản ánh quy mô tích lũy tư bản vượt trội của nhóm doanh nghiệp này (Adidharta, 2015). Ở cấp độ các tập đoàn lớn, đến năm 1990, 200 tập đoàn hàng đầu do người Hoa kiểm soát tạo ra doanh thu tương đương khoảng 25% GDP quốc gia và quản lý gần 45.000 công ty con (Frederick & Worden, 2011, tr. 168). Cơ cấu sở hữu các tập đoàn lớn cũng thể hiện rõ sự chênh lệch, khi trong số 25 tập đoàn lớn nhất Indonesia đầu thập niên 1990 chỉ có 4 tập đoàn thuộc sở hữu người bản địa, trong khi các tập đoàn dẫn đầu chủ yếu nằm trong tay doanh nhân người Hoa (Hill, 1996, tr. 113). Xu hướng này tiếp tục được củng cố vào năm 1993, khi 18 trong số 20 tập đoàn lớn nhất và khoảng 80% các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Jakarta thuộc sở hữu người Hoa (Eklöf, 2002, tr. 223). Các trường hợp điển hình như tập đoàn Astra và Salim Group đạt doanh thu lên tới 6,8 tỷ USD,

trong khi tập đoàn thuốc lá Sampoerna trở thành nguồn đóng góp thuế lớn thứ hai sau dầu khí nhờ việc 70% dân số Indonesia hút thuốc (Surya, 2013, tr. 145-149). Điều này cho thấy vai trò của người Hoa không chỉ mang tính chi phối về quy mô mà còn có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu và sự vận hành của nền kinh tế quốc gia.

Ngoài ra, sự trỗi dậy của các doanh nhân người Hoa còn diễn ra nhanh chóng trong khu vực ngân hàng - tài chính. Từ chỗ chủ yếu tham gia các hoạt động cho vay nặng lãi và tín dụng nông nghiệp, họ dần chuyển sang thành lập và kiểm soát các cơ sở tài chính hiện đại như ngân hàng và công ty bảo hiểm. Vào giữa thập niên 1960, người Hoa đã kiểm soát khoảng 30% vốn lưu động và tới 70% các hoạt động tài chính trên toàn quốc, phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của cộng đồng này trong hệ thống tài chính Indonesia. Đến cuối thập niên 1970, sự chi phối này càng trở nên rõ nét khi trong tổng số 88 ngân hàng tư nhân, chỉ có 2 ngân hàng thuộc sở hữu người bản địa, trong khi khoảng 80% vốn ngân hàng nằm trong tay người Hoa mang quốc tịch Indonesia (Tran, 1992, tr. 192-193). Những số liệu này cho thấy vai trò của người Hoa trong lĩnh vực tài chính không chỉ mang tính hỗ trợ cho thương mại và công nghiệp, mà đã trở thành một trụ cột quan trọng trong quá trình tích lũy và phân bổ vốn của nền kinh tế quốc gia.

Qua đó có thể thấy, người Hoa giữ vai trò áp đảo trong khu vực kinh tế tư nhân của Indonesia, đặc biệt từ thập niên 1970 đến đầu những năm 1990. Cộng đồng này không chỉ chi phối phần lớn các tập đoàn kinh tế lớn mà còn nắm giữ vị trí then chốt trong các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc gia như: thương mại, sản xuất, tài chính và phân phối. Nhìn chung, sự phát triển mạnh mẽ của các tập đoàn người Hoa trong thập niên 1970 và 1980 phần lớn nhờ vào mối quan hệ thân thiết với giới cầm quyền thông qua việc trao đổi đặc quyền kinh tế để đổi lấy sự hỗ trợ tài chính cho nhà nước và quân đội. Điều này khiến quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế ngày càng gắn chặt, tạo nên hệ thống tư bản thân hữu đặc trưng dưới thời Suharto. Sự thịnh vượng về kinh tế của tầng lớp cầm quyền bản địa ngày càng gắn bó mật thiết với sự thành công của giới doanh nhân người Hoa, tạo nên một mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chính trị và kinh doanh trong cấu trúc quyền lực của Indonesia thời kỳ Trật tự Mới.

5.2. Vai trò cầu nối trong thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế

Trong giai đoạn Trật tự Mới, Indonesia không chỉ thúc đẩy khu vực tư nhân trong nước mà còn theo đuổi chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế nhằm khôi phục niềm tin của nhà đầu tư, thu hút vốn nước ngoài và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Trong tiến trình này, doanh nhân người Hoa trở thành lực lượng trung gian quan trọng, đóng vai trò cầu nối giữa nền kinh tế Indonesia với thị trường khu vực và thế giới. Kế thừa các mạng lưới thương mại hình thành từ thời tiền thuộc địa và thuộc địa, cộng đồng người Hoa duy trì ưu thế trong các lĩnh vực thương mại, phân phối và sản xuất, qua đó kết nối sản xuất nội địa với thị trường quốc tế cũng như đưa hàng hóa toàn cầu thâm nhập thị trường trong nước (Chua, 2008, tr. 30). Vị thế trung gian này không chỉ góp phần mở rộng khả năng hội nhập của nền kinh tế Indonesia mà còn tạo nền tảng cho quá trình thu hút vốn, công nghệ và thị trường trong giai đoạn đầu của thời kỳ Suharto.

Nhờ lợi thế trong việc huy động các mạng lưới quan hệ xuyên quốc gia, đặc biệt là “bamboo network” kết nối cộng đồng Hoa kiều tại Đông Nam Á và Đông Á, người Hoa đã trở thành lực lượng quan trọng trong việc thu hút và điều phối dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Indonesia (Suryadinata, 2008, tr. 157; Tan, 1987, tr. 367). Sau khi chính phủ ban hành Luật đầu tư nước ngoài năm 1967 và Luật đầu tư trong nước năm 1968, người Hoa nhanh chóng trở thành đối tác ưu tiên của giới đầu tư quốc tế nhờ ưu thế về ngôn ngữ, văn hóa kinh doanh, mạng lưới tín dụng và khả năng luân chuyển vốn. Thông qua các mạng lưới này, cộng đồng người Hoa tại Indonesia đã tiếp nhận dòng vốn đáng kể từ các trung tâm tài chính và thương mại khu vực như: Hồng Kông, Singapore, Malaysia và Đài Loan (Trung Quốc), qua đó thúc đẩy sự hình

thành các dự án liên doanh, mở rộng sản xuất công nghiệp và hỗ trợ quá trình hiện đại hóa cơ sở hạ tầng của nền kinh tế quốc gia (Chua, 2008, tr. 46).

Hoạt động liên doanh giữa người Hoa tại Indonesia với cộng đồng Hoa kiều hải ngoại đã tạo ra những dấu ấn đáng kể trong giai đoạn đầu mở cửa kinh tế. Chỉ trong giai đoạn 1967 - 1971, đã có 102 dự án liên doanh được triển khai giữa các doanh nghiệp người Hoa trong nước với doanh nghiệp Hoa kiều tại Hồng Kông, Singapore và Malaysia, với tổng giá trị đầu tư lên tới 187,4 triệu USD (Coppel và cộng sự, 1982, tr. 14; Tran, 1992, tr. 194). Trong bối cảnh Indonesia vừa mới bắt đầu quá trình tự do hóa và hội nhập kinh tế, quy mô và tốc độ hình thành của các dự án này cho thấy vai trò trung gian đặc biệt của cộng đồng người Hoa trong việc huy động nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ khu vực bên ngoài, qua đó góp phần đặt nền móng cho quá trình công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của quốc gia.

Trong bối cảnh nền kinh tế Indonesia chuyển dịch sang mô hình định hướng thị trường, các doanh nghiệp do người Hoa làm chủ giữ vai trò then chốt trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế trọng yếu như: thương mại, xuất nhập khẩu, sản xuất công nghiệp, tài chính và logistics (Johansson, 2014, tr. 12; Ricklefs, 2008, tr. 322). Không chỉ chi phối các mặt hàng thiết yếu như: gạo, đường và bột mì, các doanh nghiệp này còn nắm giữ vị trí trung tâm trong nhiều chuỗi cung ứng và tham gia sâu vào các ngành công nghiệp có hàm lượng vốn và công nghệ cao, tiêu biểu là ngành ô tô thông qua các liên doanh với các tập đoàn Nhật Bản. Các tập đoàn lớn như: Salim Group, Astra Group, Sinar Mas, Lippo Group và Ciputra không chỉ thống lĩnh thị trường nội địa mà còn mở rộng hoạt động ra khu vực và quốc tế, qua đó góp phần nâng cao vị thế thương mại của Indonesia, cải thiện cán cân thương mại và thu hút thêm dòng vốn đầu tư nước ngoài. Những trường hợp điển hình như: Indofood, thuộc Salim Group, trở thành nhà sản xuất mì ăn liền lớn nhất thế giới, hay PT Bogasari là một trong những nhà máy xay bột lớn nhất toàn cầu (Surya, 2013, tr. 145-149). Điều này cho thấy mức độ hội nhập sâu của tư bản người Hoa vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực tài chính - ngân hàng do người Hoa kiểm soát cũng tạo nên một nền tảng quan trọng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Indonesia. Từ cuối thập niên 1960, doanh nhân người Hoa đã thành lập hàng loạt ngân hàng, công ty bảo hiểm và đến giữa thập niên 1970 đã kiểm soát khoảng 70% các hoạt động tài chính trên phạm vi toàn quốc (Tran, 1992, tr. 192). Đến năm 1993, trong số 20 tập đoàn lớn nhất Indonesia, có tới 18 tập đoàn là của người Hoa và khoảng 80% các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Jakarta do người Hoa kiểm soát (Johansson, 2014, tr. 13). Hệ thống ngân hàng và tài chính này không chỉ đáp ứng nhu cầu tín dụng trong nước mà còn đóng vai trò kết nối các dòng vốn xuyên biên giới, qua đó hỗ trợ Indonesia tiếp cận nguồn vốn quốc tế và tham gia sâu hơn vào thị trường tài chính khu vực.

Hơn thế nữa, trong lĩnh vực logistics - vận tải, vai trò của người Hoa càng thể hiện rõ rệt. Đến cuối thập niên 1970, các doanh nghiệp do người Hoa kiểm soát chiếm khoảng 90% số công ty vận tải biển và 60% đội tàu thủy nội địa của Indonesia, trong đó, nhiều doanh nghiệp duy trì mối liên kết chặt chẽ với các đối tác tại Singapore, Đài Loan (Trung Quốc) và Hồng Kông (Tran, 1992, tr. 196-197). Hệ thống vận tải này giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm lưu thông hàng hóa xuất nhập khẩu, qua đó tạo điều kiện để Indonesia tham gia hiệu quả hơn vào các mạng lưới thương mại khu vực và quốc tế.

Mặc dù chịu nhiều hạn chế về văn hóa dưới thời Tổng thống Suharto, giới doanh nhân người Hoa vẫn duy trì được các mạng lưới kinh doanh xuyên quốc gia rộng khắp. Sau khi Indonesia và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ vào năm 1990, cộng đồng người Hoa tại Indonesia tiếp tục đóng vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy thương mại và hợp tác đầu tư

song phương, qua đó củng cố các kênh kết nối kinh tế giữa Indonesia với khu vực Đông Nam Á và Đông Á (Suryadinata, 2008, tr. 52). Nhờ các mạng lưới rộng lớn này, người Hoa giữ vai trò cầu nối quan trọng trong tiến trình gắn kết nền kinh tế Indonesia với khu vực và quốc tế.

Qua đây có thể thấy rằng, dưới thời kỳ Trật tự Mới, người Hoa đã trở thành một trong những lực lượng then chốt của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Indonesia. Họ không chỉ đóng vai trò trong việc thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy các dự án liên doanh và mở rộng thị trường xuất khẩu, mà còn góp phần hiện đại hóa các trụ cột quan trọng của hội nhập như: tài chính, ngân hàng và logistics. Nhờ sự năng động, liên kết xuyên quốc gia và giữ vị thế quan trọng trong các tập đoàn kinh tế lớn giúp giới doanh nhân người Hoa góp phần định hình nền kinh tế Indonesia dưới thời Trật tự Mới cũng như đẩy nhanh tốc độ hội nhập của quốc gia vào hệ thống kinh tế khu vực và toàn cầu.

6. Kết luận

Trong suốt ba thập niên dưới thời kỳ Trật tự Mới, cộng đồng người Hoa tại Indonesia đã giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phục hồi, phát triển và hội nhập của nền kinh tế quốc gia. Mặc dù chịu nhiều hạn chế về văn hóa và chính trị, họ vẫn vươn lên trở thành lực lượng kinh tế chủ đạo, nắm giữ vị trí chi phối trong các lĩnh vực then chốt như: thương mại, phân phối, công nghiệp chế biến, tài chính - ngân hàng và logistics. Thông qua nguồn vốn tích lũy, kỹ năng kinh doanh và các mạng lưới kinh tế xuyên quốc gia, người Hoa không chỉ thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân trong nước mà còn góp phần kết nối Indonesia với các dòng vốn, thị trường và chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Vai trò kinh tế nổi bật này gắn liền với mô hình phát triển mang tính tư bản thân hữu dưới thời kỳ Trật tự Mới. Dưới mô hình này, nhà nước kiểm soát quyền phân bổ đặc quyền kinh tế còn các tập đoàn người Hoa trở thành đối tác chủ lực hỗ trợ chính phủ đạt mục tiêu tăng trưởng, công nghiệp hóa và ổn định tài chính. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa nhà nước và tư bản thiểu số tạo ra một hệ thống kinh tế phát triển nhanh nhưng dựa trên nền tảng đặc quyền thay vì cạnh tranh thị trường. Nhờ được chính quyền bảo trợ, các doanh nhân người Hoa nhận đặc quyền kinh tế, đổi lại, họ cung cấp nguồn lực tài chính và hỗ trợ các chương trình chiến lược nhằm củng cố sức mạnh kinh tế - chính trị của chính quyền Suharto.

Trong bối cảnh Indonesia hậu khủng hoảng năm 1965, khi nền kinh tế suy kiệt, lạm phát cao và các thiết chế thị trường còn non yếu, mô hình tư bản thân hữu trên thực tế đã vận hành như một cơ chế phân bổ nguồn lực mang tính thay thế cho các kênh chính thức chưa hoàn thiện. Việc chính quyền dựa vào các doanh nhân thân cận mà phần lớn là người Hoa đã giúp nhà nước nhanh chóng huy động vốn, năng lực quản lý và mạng lưới thương mại quốc tế mà bản thân bộ máy nhà nước chưa thể tự xây dựng. Thông qua sự trao đổi giữa đặc quyền kinh tế và sự hỗ trợ tài chính, kinh tế, mối quan hệ này đã góp phần rút ngắn thời gian ra quyết định và thúc đẩy triển khai nhanh các dự án công nghiệp, thương mại và hạ tầng quy mô lớn, qua đó hỗ trợ tăng trưởng và hội nhập trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa.

Tuy nhiên, mô hình phát triển dựa trên đặc quyền này cũng để lại những hệ quả dài hạn. Việc tập trung quyền lực kinh tế vào một nhóm thiểu số thân cận với chính quyền làm gia tăng bất bình đẳng, tạo khoảng cách giữa người Hoa và người bản địa, đồng thời nuôi dưỡng căng thẳng xã hội và sắc tộc âm ỉ trong xã hội Indonesia. Khi khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 bùng nổ, những khiếm khuyết nội tại của mô hình tư bản thân hữu đã góp phần làm suy yếu nền tảng kinh tế - xã hội của Trật tự Mới và đẩy nhanh sự sụp đổ của chính quyền Suharto năm 1998.

Từ trường hợp của Indonesia, có thể thấy rằng tăng trưởng kinh tế chỉ có thể mang tính bền vững khi gắn liền với các cơ chế phân bổ nguồn lực minh bạch, cạnh tranh và công bằng.

Trong một xã hội đa sắc tộc, sự phụ thuộc quá mức vào một nhóm thiểu số được nhà nước bảo trợ có thể đem lại hiệu quả ngắn hạn, nhưng đồng thời tiềm ẩn những rủi ro xã hội và chính trị trong dài hạn. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của cộng đồng người Hoa dưới thời kỳ Trật tự Mới không chỉ có ý nghĩa trong việc hiểu rõ lịch sử kinh tế Indonesia, mà còn cung cấp những gợi mở quan trọng cho các quốc gia đang phát triển trong quá trình thiết kế mô hình tăng trưởng và quản trị kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Adidharta, S. (2015, June 24). *Etnis China (Tionghoa) masih nomor satu kuasai bisnis dan ekonomi Indonesia [Ethnic Chinese (Tionghoa) Still Dominate Business and the Economy in Indonesia]*. Kompasiana. https://www.kompasiana.com/syaifud_adidharta_2/552985f2f17e61b07ed623ac/etnis-china-tionghoa-masih-nomor-satu-kuasai-bisnis-dan-ekonomi-indonesia?page=3&page_images=1
- Chong, W. L. (2016). Rethinking the position of ethnic Chinese Indonesians. *Sejarah*, 25(2), 96–108. <https://doi.org/10.22452/sejarah.vol25no2.7>
- Chua, C. (2008). *Chinese big business in Indonesia: The state of capital*. Routledge Contemporary Southeast Asia Series. <https://pasca.uncen.ac.id/wp-content/uploads/2023/06/Chinese-Big-Business-in-Indonesia-The-State-of-the-Capital-Routledge-Contemporary-Southeast-Asia-Series-Christian-Chua-Z-Library.pdf>
- Coppel, C. A., Hugh, & Mabbett, P. (1982). *The Chinese in Indonesia, the Philippines and Malaysia*. Minority Rights Group. https://books.google.com.vn/books?id=1KYbEQAAQBAJ&printsec=frontcover&hl=vi&source=gbs_ge_summary_r&cad=0#v=onepage&q&f=false
- Dahana, A. (2000). Kegiatan awal masyarakat Tionghoa di Indonesia [Early Activities of the Chinese Community in Indonesia]. *Wacana*, 2(1), 54–72. <https://media.neliti.com/media/publications/181296-ID-kegiatan-awal-masyarakat-tionghoa-di-ind.pdf>
- Dawis, A. (2009). *The Chinese of Indonesia and their search for identity: The relationship between collective memory and the media*. Cambria Press. https://books.google.com.vn/books?hl=en&lr=&id=IUet7tl_j90C&oi=fnd&pg=PR1&dq=info:aqtPDqJFV7cJ:scholar.google.com&ots=rgjOYyIsyB&sig=XjSOV8l_C-RFc4goYcdonjo8H1I&redir_esc=y#v=onepage&q&f=false
- Eklöf, S. (2002). Politics, business, and democratization in Indonesia. In E. T. Gomez (Ed.), *Political Business in East Asia* (pp. 216–249). Routledge.
- Frederick, W. H., & Worden, R. L. (2011). *Indonesia: A country study* (6th ed.). Federal Research Division, Library of Congress. <https://tile.loc.gov/storage-services/master/frd/frdcstdy/in/indonesiacountry00fred/indonesiacountry00fred.pdf>
- Hill, H. (1996). *The Indonesian economy since 1966: Southeast Asia's emerging giant*. Cambridge University Press. https://archive.org/details/indonesianeconom0000hill_z6y3/page/n7/mode/1up
- Johansson, A. C. (2014). *Political Change and the Business Elite in Indonesia*. (Working Paper No. 2014:34). Stockholm School of Economics. <https://swopec.hhs.se/hascer/papers/hascer2014-034.pdf>
- Lombard, D. (2005). *Nusa Jawa: Silang budaya—Kajian sejarah terpadu (Bagian II: Jaringan Asia) [Nusa Jawa: Cross-Cultural Interactions—An Integrated Historical Study (Part II: Asian Networks)]*. PT Gramedia Pustaka Utama. <https://dn721602.ca.archive.org/0/items/NJ2JA/NusaJawa02-JaringanAsia.pdf>
- Nguyen, Q. V. (2024). Kiểm soát “tư bản thân hữu” - sứ mệnh của công cuộc phòng, chống tham nhũng [Controlling “Crony Capitalism”: A Mission of Anti-Corruption Efforts]. *Journal of Procuratorate Studies*, 5(77), 11–18. <https://vjol.info.vn/index.php/tks/article/view/106210/89354>
- Ricklefs, M. C. (2008). *A history of modern Indonesia since c. 1200* (4th ed.). Palgrave Macmillan. <https://kalamkopi.wordpress.com/wp-content/uploads/2017/04/m-c-ricklefs-sejarah-indonesia-modern-1200.pdf>
- Robison, R. (1986). *Indonesia: The rise of capital*. Allen & Unwin. <https://archive.org/details/indonesiariseofc0000robi>
- Robison, R., & Hadiz, V. R. (2004). *Reorganising Power in Indonesia: The Politics of Oligarchy in an Age of Markets*. Psychology Press. https://books.google.com.vn/books?id=YmXVvznHzZoC&pg=PA69&hl=vi&source=gbs_toc_r&cad=1#v=onepage&q&f=false

- Rosser, A. (2002). *The Politics of Economic Liberalisation in Indonesia: State Market and Power*. Routledge Curzon. https://api.pageplace.de/preview/DT0400.9781136855795_A23881710/preview-9781136855795_A23881710.pdf
- Sato, Y. (2019). The Development of Business Groups in Indonesia: 1967-1989. In T. Shiraishi (Ed.), *Approaching Suharto's Indonesia from the Margins* (pp. 101–153). Cornell University Press. <https://doi.org/10.7591/9781501718915-006>
- Schwarz, A. (1994). *A nation in waiting: Indonesia in the 1990s*. Westview Press. <https://archive.org/details/nationinwaitingi00schw>
- Sujana, A. M., Wardah, E. S., & Alfiah, A. (2020). Etnis Tionghoa: Pluralisme dan regulasi birokrasi di Indonesia [Ethnic Chinese: Pluralism and Bureaucratic Regulation in Indonesia]. *Alur Sejarah: Jurnal Pendidikan Sejarah*, 4(1), 181–193. <https://www.journal.lppmunindra.ac.id/index.php/alursejarah/article/view/7085/3296>
- Surya, F. R. (2013). Crony Capitalism as a Variable for Growth: Chinese-Indonesian Conglomerates and their Role in Indonesia's Economic Development. *The Indonesian Quarterly*, 41(2), 127–150. <https://journals.csis.or.id/index.php/iq/article/view/1946>
- Suryadinata, L. (1976). Indonesian Policies toward the Chinese Minority under the New Order. *Asian Survey*, 16(8), 770–787. <https://doi.org/10.2307/2643578>
- Suryadinata, L. (1997). *Ethnic Chinese as Southeast Asians*. Institute of Southeast Asian Studies.
- Suryadinata, L. (2008). *Ethnic Chinese in Contemporary Indonesia*. Institute of Southeast Asian Studies. https://books.google.com.vn/books?id=UFNKQcvGNSAC&printsec=frontcover&hl=vi&source=gbs_ge_summary_r&cad=0#v=onepage&q&f=false
- Susanti, D. (2014). Paradoxes of discrimination policies and educational attainment: Chinese Indonesians in contemporary Indonesia. In C. Joseph & J. Matthews (Eds.), *Equity, opportunity and education in postcolonial Southeast Asia* (pp. 132-149). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315815145>
- Tan, M. G. (1987). The Role of Ethnic Chinese Minority in Development: The Indonesian Case. *Southeast Asian Studies*, 25(3), 363–382. <https://kyoto-seas.org/pdf/25/3/250304.pdf>
- Tan, M. G. (2008). *Etnis Tionghoa Di Indonesia: Kumpulan Tulisan [The Ethnic Chinese in Indonesia: A Collection of Essays]*. Yayasan Obor Indonesia.
- Thee, K. W. (2007). Indonesia's Economic Performance under Soeharto's New Order. *Seoul Journal of Economics*, 20(2), 263-281. <https://sje.ac.kr/xml/28419/28419.pdf>
- Tran, K. (1992). *Vai trò người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á [The Role of Ethnic Chinese in Southeast Asian Economies]*. Vietnam Academy of Social Sciences, Institute of Southeast.
- Vu, N. H. (2015, June). “Lợi ích nhóm” và “Chủ nghĩa tư bản thân hữu” - cảnh báo nguy cơ [“Interest Groups” and “Crony Capitalism”: A Warning of Potential Risks]. *Communist Review*. <https://www.tapchicongsan.org.vn/en/nghien-cu/-/2018/33662/“loi-ich-nhom”-va-“chu-nghia-tu-ban-than-huu”---canh-bao-nguy-co.aspx>